TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2020/HS-ST
Ngày: 09-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh.

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 166/2020/HSST ngày 18/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn T, sinh năm: 1992, tại: Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn T (đã chết) và bà: Đỗ Thị X, sinh năm: 1958. Bị cáo có vợ tên Trương Thị T, sinh năm: 1991 và 01 con sinh năm: 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 20 (hai mươi) tháng tù giam về tội "trộm cắp tài sản", chấp hành án tại trại giam T đến ngày 04/4/2018 về địa phương.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/5/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn V, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn/m, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt tại phiên Tòa).

2. Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt tại phiên Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 08/5/2020, do có nhu cầu sử dụng chất ma túy nên bị cáo T có hỏi mượn của Phạm Văn D, sinh năm 1987 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirus biển số 36K5 – 091.14 nói với anh D là mượn xe đi công việc. Tuy nhiên, bị cáo T điều khiển xe đến khu vực Ấp 2, xã B, huyện C gặp một thanh niên bán ma túy (không rõ lai lịch) để hỏi mua 300.000đ chất ma túy thì người này đồng ý. Bị cáo T đưa 300.000đ cho người thanh niên này và nhận một đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột màu trắng là ma túy. Bị cáo T cất giấu đoạn ống nhựa vào trong cái bóp và bỏ vào túi quần sau, bên phải của Thắng đang mặc rồi điều khiển xe mô tô tìm địa điểm sử dụng ma túy. Khi đi đến đoạn đường cầu Cổ Cò thuộc Ấp 11A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện C phối hợp với Công an xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra, phát hiện túi sau bên phải quần của Bị cáo đang mặc có cất (01) đoạn ống hút nhựa hàn kín hai đầu bên trong chứa chất bột màu trắng là chất ma túy nên Công an đã lập biên bản phạm tội bắt quả tang đối với Bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy qua nước tiểu của bị cáo xác định bị cáo dương tính với chất ma túy, loại Heroine (BL 04).

Căn cứ Kết luận giám định số: 784/KLGĐ-H ngày 15/5/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng: 0,1285gam, loại Heroine (BL 41).

Tại phiên toà, bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo không yêu cầu nhận lại 01 điện thoại hiệu

Nokia 6300, bị cáo xin nhận lại số tiền 1.000.000đồng đây là tiền của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội.

Bản cáo trạng số: 169/CTr-VKS-HS ngày 13 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: Phạt Bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu và tiêu hủy gồm: 01 (một) ống kim tiêm chưa qua sử dụng; 01 (một) gói niêm phong mang số vụ: 784/20/Củ Chi có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Nokia – 6300, imei số: 356832/02/571159/5;

Hoàn trả lại cho bị cáo Lê Văn T số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

* Bị cáo tự bào chữa: Không.

* Lời nói sau cùng của Bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C,

Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên Tòa, bị cáo Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của Bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố Bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của Bị cáo đã cất giấu chất ma tuý có khối lượng 0,1285gam, loại Heroin là vi phạm pháp luật. Ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm, Bị cáo nhận thức được điều đó nhưng vẫn cố tình thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi phạm tội của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà Nước, qua đó đe dọa nghiêm trọng đến an toàn trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Do đó, cần phải xử lý Bị cáo bằng một hình phạt thật nghiêm khắc đối với Bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo khai báo thành khẩn, do vậy Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ cho Bị cáo phần nào hình phạt theo điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Xét vật chứng vụ án:

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 110/LNK ngày 02/6/2020, Phiếu nhập kho vật chứng số: 110/PNK ngày 02/6/2020).

+ 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Nokia – 6300, imei số: 356832/02/571159/5 đây tài sản của bị cáo không liên quan việc phạm tội nhưng bị cáo không xin nhận lại mà tự nguyện nộp sung công quỹ nhà nước. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo T nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên chấp nhận;

+ 01 (một) ống kim tiêm đây là vật không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) gói niêm phong mang số vụ: 784/20/Củ Chi có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra. Đây là đối tượng phạm tội và đồ vật cấm lưu hành nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

+ Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.000.000đồng là tiền cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, do dó Hội đồng xét xử xét thấy hoàn trả cho bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét cần buộc Bị cáo phải chịu một khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2020.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

* Tịch thu và tiêu hủy gồm: 01 (một) ống kim tiêm chưa qua sử dụng và 01 (một) gói niêm phong mang số vụ: 784/20/Củ Chi có chữ ký niêm phong của Giám định viên và Cán bộ điều tra.

* Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Nokia – 6300, imei số: 356832/02/571159/5;

* Trả lại cho bị cáo Lê Văn T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

Án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Bị cáo có quyền kháng cáo. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Nhà tạm giữ CA huyện C
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Phạm Thị Hồng Ngọc

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Nhà tạm giữ CA huyện C
- Chi Cục THADS huyện.Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tung;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Ngọc